TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HS-ST
Ngày 16-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đào Mai Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày 23 tháng 8 năm 1965 tại Hải Phòng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 5/5 phường H, quận H, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn Q, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn X và bà Đào Thị T; có vợ là Phí Thị Thanh T, có 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: 02 tiền án đã được xóa (Án số 73/HSST ngày 01 tháng 10 năm 1992 Tòa án nhân dân huyện An Hải (nay là huyện An Dương), thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng về tội Bắt giữ người trái pháp luật và án số 117/2008/HSST ngày 11 tháng 7 năm 2008 Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xử phạt 33 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy); bị bắt, tạm giữ từ ngày 31 tháng 8 năm 2018, tạm giam từ ngày 08 tháng 9 năm 2018; có mặt.

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị Hải T, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Số 213 P, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Hoàng Ngọc D; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 40 phút ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại Công ty TNHH T (gọi tắt là Công ty), địa chỉ thôn M, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng, Phạm Văn T là nhân viên bảo vệ của Công ty khi đi ngang qua khu vực lán để xe phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead biển kiểm soát 15N1-12635 của chị Nguyễn Thị Hải T cốp xe không khóa. Phạm Văn T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong cốp xe, T quan sát thấy chị T đang ngủ trong văn phòng, xung quanh không có người trông coi nên đã dùng tay trái nâng cốp xe lên kiểm tra. Trong cốp xe của chị T có 01 chiếc ví da màu đen, T mở ví lấy số tiền 20.700.000 đồng (Hai mươi triệu bảy trăm nghìn đồng) cất giấu vào túi quần đang mặc rồi để chiếc ví vào trong cốp xe đóng lại. T mang số tiền vừa trộm cắp được giấu vào giữa lớp lót đệm với lớp vỏ nhựa của mũ bảo hiểm của T treo tại chốt bảo vệ. Khoảng 15 giờ 45 phút cùng ngày chị T kiểm tra phát hiện bị mất tiền nên đã T báo Công an huyện An Dương. Vật chứng thu giữ: số tiền 20.700.000 đồng (gồm 41 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng, 01 tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng, 05 tờ tiền polime mệnh giá 20.000 đồng), 01 mũ bảo hiểm màu đen dạng mũ lưỡi chai thời trang và 01 USB dữ liệu hình ảnh camera liên quan đến vụ án.

Về giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt, tại biên bản kiểm đếm tiền xác định tiền Việt nam đồng ngày 27 tháng 9 năm 2018, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện An Dương xác định số tiền trên đúng chủng loại không có tiền nghi giả.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T khai nhận: Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của người bị hại trong việc cất giữ tài sản nên đã mở cốp xe chiếm đoạt số tiền như nội dung cáo trạng đã nêu.

Tại Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu lời luận tội đối với bị cáo đã phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; các điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T từ 15 đến 18 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản"; miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm thời trang lưỡi chai.

Bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên và nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về việc vắng mặt của bị hại, người làm chứng: Tại phiên tòa bị hại và người làm chứng đều vắng mặt. Xét thấy, tại giai đoạn điều tra, họ đã có lời khai nên việc vắng mặt của bị hại và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại và người làm chứng.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, Kiểm sát viên: Trong quá T điều tra, truy tố, xét xử Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, T tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá T điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng nên hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[3] Về chứng cứ xác định có tội:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa về việc bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản và chiếm đoạt số tiền 20.700.000đồng của bị hại vào lúc 12 giờ 40 phút ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại Công ty TNHH T ở thôn M, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với vật chứng đã thu giữ cũng như với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Văn T đã có hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại với số tiền là 20.700.000đ đồng, hành vi của bị cáo đã phạm tội: "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Chính vì vậy, đối với hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[5] Bị cáo Phạm Văn T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

[6] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo có bố đẻ là liệt sỹ; tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại; người bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng

các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét, về nhân thân bị cáo có 02 tiền án đã được xóa án tích, cho thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, ý thức chấp hành pháp luật kém, không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung:

[7] Xét bị cáo thu nhập thấp, hoàn cảnh gia đình còn khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về vật chứng:

[8] Đối với 01 mũ bảo hiểm màu đen dạng mũ lưỡi chai thời trang thuộc sở hữu của bị cáo nhưng bị cáo đã dùng vào việc cất giữ tài sản trộm cắp nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Đối với 01 USB dữ liệu hình ảnh camera bị cáo trộm cắp tài sản là chứng cứ nên được lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

- Về trách nhiệm dân sự:

[10] Bị hại đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí:

[11] Theo quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6 và điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

- Về quyền kháng cáo:

[12] Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 31 tháng 8 năm 2018. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Phạm Văn T.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm mầu đen dạng mũ lưỡi chai thời

trang (vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương đang quản lý theo Biên Bản giao nhận vật chứng ngày 06 tháng 12 năm 2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương).

Đối với 01 USB dữ liệu hình ảnh camera bị cáo trộm cắp tài sản Tòa án đã lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hải Phòng;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương;
- Bị hại;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng
- Phòng PV 27, PC 81 Công an T.P Hải Phòng;
- Sở Tư pháp Hải Phòng;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Liên